TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19A/2017/HNGĐ-ST Ngày: 24-11-2017 V/v Ly hôn giữa chị N và anh N	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX- ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản SH, xã MT, huyện VH, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978, địa chỉ: Tiểu khu 15, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh N sau một thời gian tìm hiểu đã kết hôn với nhau từ năm 2007, việc kết hôn do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và đã được Uỷ ban nhân dân thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/11/2007. Việc kết hôn có được tổ chức theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống

hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do anh N không hề quan tâm đến vợ con. Anh N thường xuyên vắng nhà chị không biết lý do. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản SH, xã MT, huyện VH sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Quá trình sống ly thân có nhiều lần chị N đã lên thăm anh N tại địa chỉ cư trú của anh N ở tiểu khu 15, thị trấn HL, huyện MS, tuy nhiên anh N cố tình tránh mặt chị và cắt đứt liên lạc với vợ, con. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Tại phiên toà sơ thẩm, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Phan N sinh ngày 16/8/2007. Hiện nay cháu N đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị N là xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng vì bản thân anh N từ khi cháu N sinh ra đã không quan tâm, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào đơn đề nghị của nguyên đơn chị Hà Thị N, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Xóm 1, tiểu khu 15, thị trấn HL) và mẹ đẻ của anh Nguyễn Thanh N (bà Đoàn Thị T) tại các biên bản xác minh ngày 05/4/2017 (BL 24, 25, 55, 56) như sau:

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Nguyễn Thanh N, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa để giải quyết, tuy nhiên anh N không nhận giấy triệu tập và thường xuyên bỏ nhà đi, thay đổi chỗ ở mà không thông báo địa chỉ cho gia đình và chị N biết nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về tình cảm: Gia đình bị đơn và chính quyền địa phương xác nhận, chị N và anh N kết hôn với nhau từ năm 2007 do hai bên tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân do anh N thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Năm 2008, hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Quá trình hôn nhân chị N và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Phan N sinh ngày 16/8/2007. Từ khi cháu N sinh ra đều do chị N nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi vì anh N thường xuyên vắng nhà.

Về tài sản chung: Đại diện chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh N là bà Đoàn Thị T cho biết, sau khi hai vợ chồng anh N kết hôn với nhau năm 2007 có sinh

sống ở cùng gia đình bà Thông một thời gian ngắn tại tiểu khu 15, thị trấn HL, huyện MS. Hai vợ chồng chưa làm ra tài sản chung hoặc đóng góp gì vào tài sản của gia đình.

Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N đối với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hà Phan N, sinh năm 2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị N đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Thanh N trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bị đơn anh N thường xuyên vắng mặt, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho gia đình và chị N biết nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Chị N đã thực hiện việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh N theo quy định nhưng không đạt kết quả. Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi chị N và anh N cư trú, cho biết đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu cho anh N nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 189, Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 6 Điều

9 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Thanh N về việc tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hà Thị N và anh Nguyễn Thanh N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2007, anh chị đã được UBND thị trấn HL, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/11/2007, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên vắng nhà mà chị N không biết lý do, cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với chị N. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Theo kết quả điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương và mẹ đẻ của bị đơn anh Nguyễn Thanh N cùng những người biết sự việc đã xác định: Anh Nguyễn Thanh N thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ và con. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

[2.2] Về con chung: Quá trình hôn nhân chị N và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Phan N, sinh ngày 16/8/2007. Từ khi cháu N sinh ra đều do chị N nuôi dưỡng cho đến nay. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần thiết giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận chị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung: Căn cứ vào toàn bộ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và qua điều tra xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng, xác định: Sau khi chị N và anh N kết hôn với nhau năm 2007, hai vợ chồng sống chung với nhau một thời gian ngắn, đến đầu năm 2008 hai vợ chồng ly thân, nay không có tài sản gì chung.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[2.5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 228; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Phan N sinh ngày 16/8/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh N được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/03568 ngày 03 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND thị trấn HL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh